

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ sức khỏe Nhân dân ngày 30/6/1989;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang tại Tờ trình số 49/TTr-SYT ngày 17/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 2. Sở Y tế tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án, bảo đảm tiết kiệm, tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Sở Y tế; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN, KTTH;
 - + Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

ĐỀ ÁN**Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)***Phần I****SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN****I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Sau 03 năm (2019 - 2022), tỉnh Bắc Giang đã tập trung toàn bộ nguồn lực để phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19. Đền thời điểm hiện tại, dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh đã được kiểm soát, các hoạt động trở lại trạng thái bình thường, từng bước khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. Hậu COVID-19, nhu cầu phòng bệnh và khám chữa bệnh của Nhân dân trong tỉnh ngày càng tăng cao, cùng với đó tỷ lệ bệnh nhân chuyển tuyến (đặc biệt tại các cơ sở y tế tuyến huyện) có xu hướng tăng so với giai đoạn trước đó. Nguyên nhân, phần lớn do các cơ sở y tế chưa đảm bảo các điều kiện về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để duy trì và phát triển các kỹ thuật chuyên môn đáp ứng với mô hình bệnh tật và nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân.

Trong giai đoạn phòng, chống dịch COVID-19, một số cơ sở y tế đã được quan tâm, đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh, đến nay đã hoàn thành, được bàn giao đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạng mục cơ sở hạ tầng được xây dựng, thiết kế theo tiêu chuẩn cũ (từ trước năm 2010, nhiều công trình xây dựng trước năm 2000), đến nay đã có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng, đặc biệt là thiếu tính đồng bộ giữa các công trình, khối nhà đã ảnh hưởng lớn đến công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Các dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh đều không có cấu phần đầu tư trang thiết bị. Mặt khác, trong thời gian dài tập trung cho công tác phòng, chống dịch COVID-19, nhiều trang thiết bị y tế (đặc biệt là các trang thiết bị hiện đại, có giá trị cao) không được bảo dưỡng thường xuyên dẫn đến hay bị lỗi, hỏng, một số trang thiết bị đã cũ hỏng và chưa có nguồn kinh phí để thay thế.

Nghị quyết số 20/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới đã xác định rõ quan điểm: “Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân là đầu tư cho phát triển”. Ngày 21/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; ngày 12/10/2022, Bộ Tài chính ban hành Văn bản số 10469/BTC-HCSN về việc chủ trương ngân sách tiếp tục hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cho các cơ sở khám chữa bệnh khi thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Theo đó, đơn vị sự nghiệp công được ngân

sách nhà nước cấp kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ để thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao (*bao gồm các nhiệm vụ mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất theo dự án/đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật chuyên ngành đối với từng nguồn kinh phí*). Thực tế, tại tỉnh Bắc Giang, việc thực hiện cơ chế tự chủ còn nhiều khó khăn bất cập, đặc biệt là trong giai đoạn phòng, chống dịch COVID-19, nguồn thu sự nghiệp tại một số đơn vị tự chủ chi thường xuyên giảm mạnh, chỉ đủ để trả lương cho cán bộ, viên chức, người lao động, nguồn kinh phí để trích lập quỹ phát triển sự nghiệp còn hạn chế. Vì vậy, trong giai đoạn 2023 - 2025 các cơ sở y tế công lập nói chung và các đơn vị tự chủ chi thường xuyên nói riêng vẫn cần ngân sách nhà nước hỗ trợ để sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị.

Nhu cầu cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở y tế thực sự là vấn đề cấp thiết, cần được ưu tiên đầu tư. Song, phải đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành, có định hướng và lộ trình phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước các cấp. Vì vậy, việc xây dựng Đề án cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025 là hết sức cần thiết.

Đề án cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2025 được xây dựng phù hợp với định hướng phát triển y tế và nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong giai đoạn hiện nay. Đề án sẽ định hướng mục tiêu phát triển ngành y tế đến năm 2025, đồng thời là văn bản pháp lý để các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí hàng năm.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Bảo vệ sức khỏe Nhân dân ngày 30/6/1989;
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;
- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới;
- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;
- Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;
- Kế hoạch số 1656/KH-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh thực hiện Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;
- Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới;
- Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017, Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới;
- Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về phát triển giường bệnh của các cơ sở y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 05/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới;
- Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 05/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ sở thực tiễn

- Nhu cầu phòng bệnh, khám chữa bệnh và phục hồi chức năng của người dân có xu hướng ngày càng tăng, đồng thời tỷ lệ thuận với nhu cầu sử dụng các dịch vụ y tế kỹ thuật cao và hiện đại; cơ cấu bệnh tật đã có sự thay đổi (các bệnh truyền nhiễm có xu hướng giảm dần, nhưng một số bệnh có nguy cơ bùng phát trở lại, một số bệnh dịch mới, nguy hiểm xuất hiện. Bên cạnh đó là các bệnh không lây nhiễm có xu hướng tăng nhanh như: Bệnh tim mạch, ung thư, đái tháo đường, béo phì, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản, rối loạn tâm thần). Vì thế, việc phòng chống các bệnh truyền nhiễm và quản lý chặt chẽ các bệnh không lây nhiễm, các bệnh nghề nghiệp, các bệnh liên quan đến môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, lối sống, quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, phòng chống tai nạn thương tích ... đều là các nhu cầu cần được đáp ứng của Nhân dân. Do đó, hệ thống y tế của tỉnh Bắc Giang, đặc biệt là hệ thống y tế cơ sở phải được đầu tư phát triển,

ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, đảm bảo khả năng đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao về phòng bệnh và khám chữa bệnh của Nhân dân.

- Các cơ sở y tế mặc dù được đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh. Song, các dự án sau khi hoàn thiện chưa có cấu phần đầu tư trang thiết bị. Mặt khác, vẫn còn các khối nhà được xây dựng theo thiết kế cũ đã xuống cấp nghiêm trọng cần được duy tu, cải tạo, sửa chữa thường xuyên để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của người bệnh.

- Nguồn kinh phí chi không thường xuyên hàng năm từ ngân sách nhà nước cấp cho ngành y tế còn thấp, trong khi nhu cầu cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị của các đơn vị trực thuộc rất lớn và cấp bách. Vì thế, việc phân bổ kinh phí của ngành y tế cho các đơn vị, đặc biệt là tuyến huyện chưa đảm bảo đáp ứng nhu cầu công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn.

- Dự báo trong thời gian tới, quy mô dân số của tỉnh tiếp tục tăng nhanh (đặc biệt, cơ cấu dân số dần chuyển sang “dân số già” khi tỷ lệ người cao tuổi trong tổng dân số ngày càng tăng), đến năm 2025 quy mô dân số của tỉnh đạt khoảng 2 triệu người (trong đó, dự kiến số người từ 65 tuổi trở lên chiếm 9,2%, tương đương 186.000 người cao tuổi), kéo theo nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh trong Nhân dân tiếp tục tăng. Đồng thời, mức sống, thu nhập của người dân tăng, sự tham gia của y tế ngoài công lập ngày càng tích cực đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tại các cơ sở y tế công lập, trong đó cơ sở vật chất và trang thiết bị đóng vai trò then chốt.

Phần II

THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ TẠI CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP

I. TỔNG QUAN HỆ THỐNG Y TẾ TỈNH BẮC GIANG

Trong những năm gần đây, hệ thống tổ chức cơ sở y tế tỉnh Bắc Giang được kiện toàn, đổi mới, phát triển đồng đều cả ở y tế công lập và ngoài công lập. Toàn tỉnh hiện có 232 đơn vị y tế công lập (12 đơn vị tuyến tỉnh, 11 tuyến huyện và 209 trạm y tế xã), cụ thể:

- Tuyến tỉnh: Gồm 09 cơ sở khám, chữa bệnh (08 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản-Nhi, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Nội tiết; 01 phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải được bàn giao nguyên trạng từ Cục Y tế, Bộ Giao thông vận tải về ngành y tế quản lý từ tháng 4/2021); 02 cơ sở y tế dự phòng (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp tỉnh, mới thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 01/2022); 01 cơ sở kiểm nghiệm (Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh).

- Tuyến huyện: Gồm 09 Trung tâm Y tế huyện (Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang, Yên Thế, Tân Yên, Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng) thực hiện đa chức năng (khám chữa bệnh, y tế dự phòng và dân số kế hoạch hóa gia đình); 01 Trung tâm Y tế (thành phố Bắc Giang) thực hiện 2 chức năng (y tế dự phòng và dân số - kế hoạch hóa gia đình); 01 Phòng khám Đa khoa khu vực Mỏ Trạng thuộc Trung tâm Y tế huyện Yên Thế.

- Tuyến xã: Gồm 209 trạm y tế xã, phường, thị trấn trực thuộc Trung tâm Y tế 10 huyện, thành phố.

Ngoài ra, còn có 01 bệnh viện ngành (Bệnh viện quân y 110 cơ sở 2 với quy mô 60 giường bệnh) và 01 Bệnh xá Công an tỉnh.

Công tác xã hội hoá dịch vụ y tế phát triển mạnh với các phòng khám, bệnh viện đa khoa, chuyên khoa ngoài công lập, đã góp phần giảm tải cho hệ thống y tế công lập, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân địa phương tiếp cận với các dịch vụ y tế, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe. Đến nay, toàn tỉnh có 656 cơ sở y tế ngoài công lập (trong đó có 13 bệnh viện tư nhân đang hoạt động với quy mô 912 giường bệnh, 27 phòng khám đa khoa, 427 phòng khám chuyên khoa, 75 phòng chẩn trị y học cổ truyền, 10 cơ sở thay băng, đếm mạch, nhiệt độ và 09 cơ sở kính thuốc, 32 cơ sở dịch vụ răng giả, 63 cơ sở dịch vụ thẩm mỹ).

Về nhân lực y tế: Đội ngũ cán bộ y tế tỉnh Bắc Giang đã được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. So sánh một số chỉ tiêu từ năm 2015 đến năm 2022: Số bác sĩ/10.000 dân tăng từ 7,9 lên mức 11,0; số dược sĩ đại học/10.000 dân tăng từ 0,67 lên 1,7; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ đạt 100%; duy trì 100% số trạm y tế xã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh; 100% thôn/bản có nhân viên y tế hoạt động; 100%

xã/phường/thị trấn có cán bộ dân số và thôn, bản có cộng tác viên dân số. Số lượng nhân lực y tế đến thời điểm hiện tại cơ bản đáp ứng nhu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên, so với trung bình cả nước và các tỉnh lân cận, các chỉ số về nhân lực y tế của tỉnh (bác sỹ/10.000 dân, dược sỹ đại học/10.000 dân) đang ở mức thấp hơn.

Công tác phát triển kỹ thuật được tất cả các bệnh viện, trung tâm y tế quan tâm thực hiện, hàng năm nhiều danh mục kỹ thuật đúng tuyến và vượt tuyến được Sở Y tế thẩm định, phê duyệt bổ sung cho các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện và các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân. Tỷ lệ danh mục kỹ thuật được thực hiện theo phân tuyến trung bình tại các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế huyện đạt 77%, tuyến xã đạt 57%. Nhìn chung, tỷ lệ thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh so với các mục tiêu đề ra còn thấp và chậm tiến độ, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở (mục tiêu đến năm 2025: 100% trung tâm y tế huyện thực hiện được tối thiểu 90% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến huyện; 100% số trạm y tế triển khai thực hiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và thực hiện được tối thiểu 90% danh mục kỹ thuật của tuyến xã).

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Hiện trạng cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Bắc Giang đã được quan tâm, đầu tư, từng bước hoàn thiện, đồng bộ, liên thông; các công trình được đầu tư xây mới hiện đại, khang trang, phù hợp với các tiêu chuẩn thiết kế mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Tuy nhiên, còn nhiều công trình, hạng mục phụ trợ của các cơ sở y tế thiết kế theo tiêu chuẩn cũ, sắp hết niên hạn sử dụng đã xuống cấp cần đầu tư xây mới, cải tạo, sửa chữa nâng cấp để bảo đảm chất lượng các hoạt động chuyên môn.

1.1. Tuyến tỉnh:

Trong những năm gần đây, các bệnh viện đa khoa/chuyên khoa tuyến tỉnh đã được quan tâm, đầu tư xây mới cơ sở vật chất, mở rộng quy mô giường bệnh, cụ thể:

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh: Hoàn thành và đưa vào sử dụng khối nhà điều trị nội trú 9 tầng (14.500m²), khoa kiểm soát nhiễm khuẩn 3 tầng (900m²), hệ thống khí y tế; khối nhà Nội thận tiết niệu 5 tầng (2.673m²); khối nhà trung tâm 15 tầng (55.590m²); Khoa Truyền nhiễm 5 tầng (3.300m²).

- Bệnh viện Y học cổ truyền: Hoàn thành và đưa vào sử dụng khối nhà 5 tầng thuộc dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện YHCT tỉnh (8.884m²).

- Bệnh viện Ung bướu: Hoàn thành và đưa vào sử dụng Nhà xạ trị (1.500m²); đang triển khai dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh (nhà điều trị nội trú 8 tầng, 8.177m²), dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng trong quý II năm 2023.

- Bệnh viện Phục hồi chức năng: Hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng khối nhà điều trị nội trú 2 tầng (6.500m²).

- Đang chuẩn bị khởi công dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội. Dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

Ngoài sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, các bệnh viện tuyến tỉnh còn sử dụng nguồn thu hợp pháp của đơn vị để đầu tư cải tạo, sửa chữa nâng cấp một số tòa nhà, khoa phòng và các hạng mục phụ trợ để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân: Bệnh viện Đa khoa tỉnh: đầu tư cải tạo một số khoa phòng, thay thế thang máy chuyên dụng nhà 9 tầng (4.000 triệu đồng); Bệnh viện Sản Nhi: Cải tạo sửa chữa khu hỗ trợ sinh sản thụ tinh trong ống nghiệm, cải tạo sửa chữa một số hạng mục phụ trợ của Bệnh viện Sản Nhi (8.018 triệu đồng); Bệnh viện Ung bướu: Bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy và hệ thống điều hòa (870 triệu đồng).

Tuy nhiên, nhiều hạng mục cơ sở vật chất của các bệnh viện tuyến tỉnh được thiết kế xây dựng theo tiêu chuẩn cũ (trước năm 2010, nhiều công trình thiết kế trước năm 2000) đã có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng, đặc biệt là thiếu tính đồng bộ nên ảnh hưởng trực tiếp đến công tác khám chữa bệnh, chưa đáp sự hài lòng của người bệnh, cụ thể:

- Tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh: Một số khối nhà, hạng mục công trình phụ trợ đã có dấu hiệu xuống cấp, trong đó có 07/23 khối nhà được xây dựng từ trước năm 2000 đã xuống cấp tại nhiều vị trí, diện tích chật hẹp, thiếu đồng bộ, không đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế cơ sở khám chữa bệnh hiện nay.

- Tại Bệnh viện Sản - Nhi: 03/6 khối nhà, hạng mục phụ trợ đã có dấu hiệu xuống cấp tại một số vị trí như: Khối nhà 9 tầng trần thấm mốc, bong sơn nhiều vị trí, hỏng các thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống nước gây thấm dột; khu nhà phụ trợ, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn thấm mốc, hỏng đường nước, nền gạch bị vỡ không đảm bảo an toàn.

- Tại Bệnh viện Phục hồi chức năng: 07/11 khối nhà, hạng mục công trình đã có dấu hiệu xuống cấp; khối nhà khoa Ngoại- Hồi sức cấp cứu, khoa Nội - Y học cổ truyền - An dưỡng, khoa Nhi, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, khoa Dinh dưỡng tiết chế đều xây dựng từ những năm 2003 đã xuống cấp nhiều hạng mục, không đồng bộ, chấp vá, diện tích chật hẹp, ẩm mốc, bong vỡ nền gạch.

- Tại Bệnh viện Y học cổ truyền: 03/10 khối nhà, hạng mục phụ trợ đã xuống cấp; Khu nhà làm việc 3 tầng A2 được xây dựng từ năm 1996, tuy đã được đầu tư cải tạo để điều trị bệnh nhân nội trú với quy mô 70 giường bệnh. Song, theo thời gian chất lượng công trình đã xuống cấp nhiều, đồng thời số lượng bệnh nhân điều trị nội trú ngày càng tăng, do vậy trong các đợt cao điểm vẫn còn tình trạng bệnh nhân phải nằm ghép trong khu điều trị chật chội.

- Tại Bệnh viện Phổi: 04/15 khối nhà, công trình phụ trợ đã xuống cấp; khối nhà A trần phòng hội trường và hệ thống mái ẩm mốc, thấm dột; Hệ thống nhà vệ sinh thuộc các khối nhà I, K, H nền gạch trũng, tường ẩm mốc, thấm nước.

- Tại Bệnh viện Tâm thần: 02/12 khối nhà, hạng mục phụ trợ đã xuống cấp; khối nhà khu hội trường, khu khám bệnh nền gạch bong tróc, ẩm mốc, lan can gỉ

sét, tróc sơn; 01 khối nhà có công trình kiên cố, nhưng phòng Xquang không đạt tiêu chuẩn an toàn bức xạ theo quy định.

- Tại Bệnh viện Ung bướu: Một số khối nhà, hạng mục phụ trợ đã có dấu hiệu xuống cấp; đặc biệt là khối nhà Khám bệnh - Hành chính, nhà Hồi sức cấp cứu, khối nhà Ngoại, Nội, khoa Dinh dưỡng, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, khoa Truyền nhiễm có hiện tượng thấm trần, ẩm mốc, nền gạch nứt vỡ, bong tróc, hệ thống nhà vệ sinh đều xuống cấp, thoát nước kém.

- Tại Bệnh viện Nội tiết: Một số khối nhà, hạng mục phụ trợ đã xuống cấp; các khối nhà điều trị nội trú, khoa dinh dưỡng, khoa lây đã có dấu hiệu thấm, mốc, hệ thống nhà vệ sinh xuống cấp, thoát nước kém, khu vực lan can phải gia cố thêm các tấm chắn để bảo vệ an toàn cho người bệnh. Đặc biệt, thiết kế ban đầu khu nhà điều trị nội trú (4 tầng) không có thang máy. Trong quá trình triển khai các kỹ thuật ngoại khoa, việc vận chuyển bệnh nhân gặp nhiều khó khăn, bất cập, không đảm bảo quy trình chuyên môn.

- Tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh: Các khối nhà tại 03 trụ sở làm việc đã có dấu hiệu xuống cấp, trần nhà thấm dột, tường nhà bong sơn, nền gạch bong tróc. Đặc biệt, khối nhà chuyên môn (khoa Xét nghiệm) sau thời gian hoạt động liên tục phục vụ công tác phòng chống dịch COVID-19 (điều hòa bật 24/24) toàn bộ các phòng xét nghiệm sinh học phân tử xuống cấp nghiêm trọng, tường ẩm mốc, thấm, dột, nền gạch phồng. Hiện tại đang phải dừng toàn bộ hoạt động và chuyển máy móc, trang thiết bị sang các phòng khác để bảo quản; phòng đặt máy X quang thấm dột, tường bong tróc, không đảm bảo các điều kiện về an toàn bức xạ.

- Tại Trung tâm Kiểm nghiệm: Hiện đang sử dụng trụ sở là tòa nhà liên cơ quan, được chuyển đổi công năng làm phòng thí nghiệm nên không đảm bảo tiêu chuẩn, diện tích phòng thí nghiệm nhỏ hẹp, khó cải tạo sửa chữa để đáp ứng các yêu cầu chuyên môn và không khả thi để triển khai làm phòng thí nghiệm đạt chuẩn GLP theo quy định; 02 khối nhà trụ sở Trung tâm Y tế thành phố (cũ) xây dựng từ năm 1994, 2000 đã qua nhiều lần sửa chữa, song vẫn xuống cấp, hư hỏng trầm trọng, không sử dụng được cho các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

- Tại Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải: Khu nhà khám bệnh, hành chính được xây dựng từ năm 1993, đã xuống cấp, nền gạch bong tróc, tường thấm dột, nhà vệ sinh, công trình phụ thường xuyên hỏng phải sửa chữa.

- Tại Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp tỉnh: Đang sử dụng tạm trụ sở của UBND thị trấn Nénh (cũ); 03/4 khối nhà đã xuống cấp, nền gạch bong tróc, tường nứt, thấm dột.

1.2. Tuyển huyện:

Các trung tâm y tế huyện đã được quan tâm, đầu tư từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn vay của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh để xây dựng, mở rộng quy mô giường bệnh, cụ thể:

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng khối nhà điều trị nội trú 5 tầng từ nguồn vốn vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng các khối nhà thuộc dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh của Trung tâm Y tế huyện Tân Yên (tòa nhà 7 tầng, 10.500m²), Lạng Giang (tòa nhà 7 tầng, 7.750m²), Hiệp Hòa (tòa nhà 9 tầng, 12.200m²).

- Đang triển khai các dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện: Lục Ngạn (tòa nhà 7 tầng, 7.350m²), Việt Yên (tòa nhà 7 tầng, 10.150m²), Yên Dũng (tòa nhà 8 tầng, 9.400m²), dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 6/2023; dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế (02 tòa nhà 5 tầng, 11.782m²), Lục Nam (tòa nhà 9 tầng, 12.780m²), dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

- Chuẩn bị khởi công dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Sơn Động từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

Ngoài ra, các trung tâm y tế đã sử dụng nguồn thu hợp pháp của đơn vị để đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyên môn như: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa: Cải tạo, sửa chữa một số khoa phòng và hạng mục phụ trợ, xây mới nhà tiêm chủng và phòng khám (4.760 triệu đồng); Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn: Xây nhà khám và điều trị ngoại trú bệnh không lây nhiễm (980 triệu đồng).

Tuy nhiên, còn một số hạng mục, công trình được đầu tư xây dựng từ giai đoạn trước năm 2010, đến nay đã xuống cấp, phải thường xuyên cải tạo, sửa chữa, diện tích chật hẹp, không phù hợp theo tiêu chuẩn thiết kế mới, cụ thể:

- Tại Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang: Một số hạng mục thuộc khối nhà hành chính đã xuống cấp, phải cải tạo, sửa chữa như hệ thống cửa ra vào, cửa sổ, nhà vệ sinh, cổng ra vào, cầu thang.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Sơn Động: 14/21 khối nhà, hạng mục công trình đã có dấu hiệu xuống cấp; Khối nhà Hành chính - khoa khám bệnh, nhà khoa Chẩn đoán hình ảnh - Xét nghiệm, nhà khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng, nhà điều trị nội trú, nhà khoa Truyền nhiễm trần, tường ẩm mốc, thấm dột, nền gạch bong tróc, một số hệ thống cửa, nhà vệ sinh đã bị hỏng.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn: 04/13 khối nhà, hạng mục công trình đã xuống cấp; nhà khoa Truyền nhiễm máu tôn mục mọt, nhà khoa Phụ Sản, Nhi, nhà khoa Nội, YHCT, Hồi sức cấp cứu, nhà khoa Ngoại, Liên chuyên khoa, khoa Dược hệ thống máu tôn đã mục mọt, nền gạch bong tróc, nứt vỡ, cửa nhựa cong vênh, khó sử dụng.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Lục Nam: 13/13 khối nhà, hạng mục công trình được xây dựng từ năm 2010 trở về trước, đến nay đều có dấu hiệu xuống cấp (thấm trần, tường, nền gạch bong tróc, hệ thống điện, nước, nhà vệ sinh tại nhiều vị trí đã hỏng); một số khối nhà điều trị nội trú thiết kế theo tiêu chuẩn cũ, chật hẹp ảnh hưởng đến chất lượng công tác chuyên môn tại đơn vị.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang: 11/13 khối nhà, hạng mục công trình xuống cấp, đa số các công trình này đều được xây dựng từ năm 2008 trở về trước, đến nay đã hỏng hệ thống mái che, trần, tường thấm dột, ẩm mốc, nền gạch bong tróc, nứt vỡ, hệ thống cửa tại nhiều vị trí đã hỏng, cong vênh, hệ thống nhà vệ sinh, điện, nước tại một số vị trí đã hỏng, cần phải sửa chữa thay thế để duy trì các hoạt động chuyên môn.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Yên Thế: 10/19 khối nhà, hạng mục công trình đã có dấu hiệu xuống cấp. Đặc biệt, khối nhà Khoa ngoại và chuyên khoa (xây dựng năm 1984), khối nhà khoa Dược (xây dựng năm 1994), khối nhà khoa Nội (xây dựng năm 2003), khối nhà khoa Hồi sức cấp cứu đã xuống cấp tại nhiều vị trí (thấm dột, ẩm mốc, hệ thống cửa, nhà vệ sinh, hệ thống điện thường xuyên hỏng), diện tích chật hẹp, thiếu ánh sáng ảnh hưởng lớn đến công tác chuyên môn tại đơn vị.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Tân Yên: 04/16 khối nhà, hạng mục công trình đã xuống cấp. Khối nhà khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng, khoa Dược, Xét nghiệm (xây dựng năm 2003), khối nhà khoa Nội (xây dựng năm 2005) trần, tường nhà đã thấm dột, ẩm mốc, nền gạch bong tróc, hệ thống nhà vệ sinh và đường điện thường xuyên hỏng.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa: 06/14 khối nhà, hạng mục công trình đã xuống cấp; nhà khoa khám bệnh, các phòng chức năng, khoa Nội, Đông y, Dược, khoa Nhi - Hồi sức cấp cứu được xây dựng từ năm 2009 trở về trước (hệ thống mái tôn chống nóng đã mục mọt gây thấm dột, tường, trần ẩm mốc).

- Tại Trung tâm Y tế huyện Việt Yên: 06/14 khối nhà, hạng mục công trình đã xuống cấp, trong đó: Khối nhà khoa Khám bệnh - Hành chính, khoa Truyền nhiễm, khu nhà điều trị 3 tầng, nhà chụp CT được xây dựng từ năm 2008 trở về trước, đến nay các vị trí như trần, tường đã thấm dột, ẩm mốc, hệ thống nhà vệ sinh, đường nước thường xuyên hỏng.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng: 10/14 khối nhà, hạng mục công trình đã xuống cấp, trong đó các khối nhà khám bệnh ngoại trú - hành chính, nhà điều trị nội trú (Nội - Nhi), nhà khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, nhà khoa Dinh dưỡng, nhà làm việc trung tâm (tại cơ sở 2): Tường, trần nhà thấm dột, ẩm mốc, nền gạch bong tróc, nứt vỡ, hệ thống cửa, thiết bị nhà vệ sinh đã cũ và thường xuyên hỏng.

(Thực trạng cơ sở vật chất ngành y tế chi tiết tại Phụ lục số I).

2. Đánh giá chung

Việc đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế công lập trong giai đoạn vừa qua đã góp phần thay đổi diện mạo, quy mô, chất lượng công trình y tế trên địa bàn tỉnh. Quy mô giường bệnh tại các cơ sở y tế công lập tăng dần theo thời gian, theo nhu cầu khám chữa bệnh của người dân, tình trạng bệnh nhân phải nằm ghép trong điều kiện cơ sở vật chất chật hẹp đã được khắc phục. Công suất sử dụng giường bệnh được duy trì ở mức 90 - 95%. Từ 2018 đến nay, số giường bệnh/10.000 dân tăng từ 24,6 giường bệnh lên 30,1

giường bệnh. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn thấp hơn so với trung bình cả nước (cả nước năm 2022 là 31 giường bệnh/10.000 dân) và các tỉnh lân cận trong khu vực như Bắc Ninh, Hải Dương, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc.

Cơ sở vật chất xuống cấp tại một số đơn vị đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế, là rào cản lớn trong việc duy trì và phát triển các kỹ thuật chuyên môn, là nguyên nhân trực tiếp làm giảm tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế. Trong 05 năm (2018 - 2022), tổng số lượt chuyển tuyến tại các cơ sở y tế là 372.880 lượt (tuyến tỉnh 93.928 lượt, tuyến huyện 278.952 lượt). Trong đó: Số lượt chuyển tuyến do cơ sở vật chất không đảm bảo các điều kiện để duy trì, triển khai kỹ thuật mới là 30.955 lượt, chiếm 8,3% tổng số lượt chuyển tuyến (tuyến tỉnh 18.359 lượt, chiếm 19,5%; tuyến huyện 12.596 lượt, chiếm 4,5%).

II. THỰC TRẠNG TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

1. Hiện trạng trang thiết bị y tế

Hàng năm, Ngành Y tế đã tích cực tranh thủ các nguồn lực tài chính, trong đó phần lớn là từ ngân sách nhà nước để đầu tư mua sắm một số thiết bị y tế hiện đại phục vụ cho phát triển kỹ thuật chẩn đoán, điều trị và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh:

- Tại tuyến tỉnh đã được đầu tư các trang thiết bị hiện đại, có giá trị cao như: Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, sản phụ khoa full HD, hệ thống X quang cao tần số hóa, hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla, hệ thống chụp mạch xóa nền kỹ thuật số DSA (tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh); Hệ thống phẫu thuật nội soi sản nhi full hd, hệ thống IVF, hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla (tại Bệnh viện Sản Nhi); Máy phân tích miễn dịch tự động, máy đo mật độ loãng xương tia X toàn thân, máy tán sỏi ngoài cơ thể (tại Bệnh viện Y học cổ truyền); Hệ thống máy gia tốc xạ trị được tiếp nhận bàn giao từ Dự án NORRED, máy chụp cộng hưởng từ 1.5T (Bệnh viện Ung bướu).

- Tại tuyến huyện đã được đầu tư một số trang thiết bị hiện đại, phục vụ công tác điều trị bệnh nhân, giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến tỉnh như: Hệ thống chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner); hệ thống Xquang kỹ thuật số chụp tổng quát; hệ thống phẫu thuật nội soi; hệ thống phẫu thuật Phaco; máy tán sỏi ngoài cơ thể; ngoài ra, Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa còn được trang bị hệ thống bơm tinh trùng vào buồng tử cung IUI.

Toàn tỉnh hiện có 1.793 trang thiết bị y tế chuyên dùng được quản lý và sử dụng tại các cơ sở y tế công lập với tổng giá trị tương đương 1.806 tỷ đồng, đạt 62% so với định mức trang thiết bị chuyên dùng được phê duyệt. Trong đó: Số trang thiết bị chuyên dùng còn sử dụng tốt là 1.425 (79,5%), số trang thiết bị chuyên dùng thường xuyên phải sửa chữa, bảo dưỡng là 281 (15,6%), số trang thiết bị chuyên dùng đã hỏng không sử dụng được là 87 (4,9%).

Nhìn chung, số lượng, chủng loại trang thiết bị y tế đã được đầu tư cho các cơ sở y tế công lập đến thời điểm hiện tại mới chỉ đáp ứng được nhu cầu cơ bản trong công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh cho Nhân dân trên địa bàn. Bên cạnh

đó, phần lớn các trang thiết bị hiện đại đều có niên hạn sử dụng, phải thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, đặc biệt trong điều kiện môi trường khí hậu nhiệt đới các linh kiện, thiết bị điện tử thường xuyên hỏng vặt ảnh hưởng trực tiếp đến công tác chuyên môn. Một số các trang thiết bị có giá trị lớn phải thường xuyên sửa chữa, bảo dưỡng hoặc đã hỏng song chưa có kinh phí để sửa chữa do giá trị linh kiện sửa chữa lớn, cụ thể:

- Tại tuyến tỉnh: Máy Xquang C-arm (tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh); Máy siêu âm màu 4D, máy siêu âm Doppler cao cấp 3 đầu dò, hệ thống phẫu thuật nội soi full HD (tại Bệnh viện Sản - Nhi); Máy phân tích xét nghiệm các loại, máy siêu âm tổng quát, máy phân tích khí máu (tại Bệnh viện Phục hồi chức năng); Hệ thống Xquang kỹ thuật số, máy xét nghiệm sinh hóa, hệ thống nội soi dạ dày ống mềm (tại bệnh viện Y học cổ truyền); Hệ thống CT Scanner, hệ thống Xquang kỹ thuật số (tại Bệnh viện Phổi); Hệ thống CT Scanner, hệ thống nội soi khí phế quản (tại Bệnh viện Ung bướu); Máy xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch (tại Bệnh viện Nội tiết); Máy Xquang di động, hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động, hệ thống máy sắc khí (tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh).

- Tại tuyến huyện: Hệ thống CT Scanner, hệ thống nội soi tiêu hóa, máy Xquang di động (tại Trung tâm Y tế huyện Sơn Động); Hệ thống xét nghiệm Elisa, máy cây máu tự động (tại Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn); Hệ thống phẫu thuật nội soi, Xquang kỹ thuật số, hệ thống nội soi tiêu hóa (tại Trung tâm Y tế huyện Lục Nam); Máy xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch các loại, hệ thống nội soi tiêu hóa, hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng (tại Trung tâm Y tế huyện Yên Thế); Máy Xquang cao tần, Xquang răng toàn cảnh, máy xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch (tại Trung tâm Y tế huyện Tân Yên); máy siêu âm tổng quát, hệ thống phẫu thuật nội soi, CT scanner (tại Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng).

(Thực trạng trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập chi tiết tại Phụ lục số III).

2. Đánh giá chung

Việc đầu tư trang thiết bị trong thời gian qua đã góp phần nâng cao tỷ lệ thực hiện danh mục kỹ thuật tại các cơ sở y tế, nâng cao chất lượng thương hiệu cũng như sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế. Song, việc đầu tư còn ở quy mô nhỏ lẻ, thiếu tính đồng bộ do nguồn ngân sách hàng năm dành cho mua sắm trang thiết bị y tế còn hạn chế, phải cân đối và phân bổ cho nhiều cơ sở y tế trong tỉnh.

Việc thiếu trang thiết bị y tế đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phát triển kỹ thuật mới, đặc biệt là các kỹ thuật chuyên sâu tạo thương hiệu cho cơ sở y tế. Qua thống kê, báo cáo của các cơ sở y tế, trong 05 năm (2018 - 2022), số lượt chuyển tuyến do thiếu trang thiết bị để triển khai kỹ thuật là 107.051 lượt, chiếm 28,7% tổng số lượt chuyển tuyến (tuyến tỉnh 33.230 lượt, chiếm 35,4%; tuyến huyện 73.821 lượt, chiếm 26,5%).

III. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khó khăn

Về cơ sở vật chất: Quy mô giường bệnh hoạt động thực tế và quy mô giường bệnh được giao của một số cơ sở y tế công lập đã vượt nhiều so với quy mô thiết kế ban đầu. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng của nhiều đơn vị y tế được xây dựng trước những năm 2000, mặc dù đã được cải tạo, nâng cấp, sửa chữa hằng năm, nhưng đến nay hầu hết đã cũ và đang xuống cấp như: Vỡ nứt tường, thấm trần, tường mốc, nhà vệ sinh xuống cấp, nền nhà bong tróc, vỡ, hệ thống cửa bị hỏng...nhất là hệ thống phòng mổ, khoa truyền nhiễm, khoa kiểm soát nhiễm khuẩn được thiết kế không phù hợp với yêu cầu về kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện.

Về trang thiết bị y tế: Các trang thiết bị y tế hiện đại được đầu tư để phát triển kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu đều có niên hạn sử dụng, trong quá trình sử dụng phải thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định, hiệu chuẩn. Nhiều trang thiết bị có giá trị lớn được đầu tư đã cũ, hỏng và chưa có nguồn kinh phí để thay thế; một số trang thiết bị được đầu tư từ nguồn xã hội hóa hoặc đề án liên doanh liên kết sau khi hết thời hạn hợp đồng, đơn vị liên doanh liên kết thu hồi máy và không tiếp tục gia hạn nên nhiều cơ sở y tế thiếu trang thiết bị để duy trì, phát triển kỹ thuật mới.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan:

Dịch bệnh COVID-19 trong 03 năm trở lại đây đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình y tế (do phải trưng dụng, cải tạo thành cơ sở thu dung điều trị bệnh nhân COVID-19) và hệ thống trang thiết bị y tế (trong thời gian dài không được sử dụng, bảo dưỡng thường xuyên do tập trung chống dịch). Đồng thời, ngân sách tỉnh phải ưu tiên cho công tác phòng, chống dịch nên khả năng cân đối kinh phí để đầu tư cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế còn hạn chế.

2.2. Nguyên nhân chủ quan:

Một số công trình y tế đã xuống cấp, thiết kế các khoa, phòng, bộ phận không phù hợp. Một phần do ý thức giữ gìn tài sản công của người dân đến khám chữa bệnh và đội ngũ cán bộ y tế còn hạn chế, một phần do thiếu kiểm tra, giám sát cộng đồng của đơn vị thụ hưởng trong quá trình triển khai xây dựng dự án tại đơn vị.

Các trang thiết bị y tế hiện đại, có giá trị cao thường xuyên hỏng, phải sửa chữa bảo dưỡng ngoài nguyên nhân khách quan (thời tiết, môi trường, lỗi của nhà sản xuất), còn do ý thức, trách nhiệm trong quản lý, vận hành và sử dụng trang thiết bị y tế của đội ngũ cán bộ y tế.

Cấp ủy, chính quyền một số địa phương còn chưa thực sự quan tâm, bố trí kinh phí đầu tư phát triển, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho tuyến y tế cơ sở, còn tư tưởng coi đầu tư cho y tế cơ sở là trách nhiệm của riêng ngành y tế.

Phần III

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Quan điểm

Xác định “*Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân là đầu tư cho phát triển; y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng*”. Phát triển hệ thống y tế Bắc Giang phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của Nhân dân hướng tới mục tiêu công bằng, hiệu quả và ngày càng phát triển.

2. Mục tiêu chung

Phát triển mạng lưới, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các cơ sở y tế công lập, hướng tới đảm bảo cho người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ có chất lượng, giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Số giường bệnh/10.000 dân đạt 35,1 giường.
- Tỷ lệ thực hiện danh mục kỹ thuật tại tuyến tỉnh và tuyến huyện đạt tối thiểu 85% theo phân tuyến kỹ thuật.
- 100% các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh được bố trí kinh phí cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ phát triển chuyên môn, kỹ thuật.
- 100% các huyện, thành phố bố trí kinh phí hỗ trợ cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho trung tâm y tế thuộc địa bàn quản lý.

4. Phạm vi thực hiện

Đề án được triển khai đối với các cơ sở y tế công lập tuyến tỉnh và tuyến huyện. Đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn: Việc đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thực hiện theo Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 05/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Phát triển mạng lưới cơ sở y tế

Tiếp tục kiện toàn, ổn định hệ thống y tế công lập từ tỉnh đến cơ sở. Duy trì các cơ sở y tế hiện có, tập trung thành lập và đưa vào hoạt động một số trung tâm chuyên ngành, các khoa chuyên sâu tại các cơ sở khám chữa bệnh như thành lập trung tâm đột quỵ, trung tâm can thiệp mạch, đơn nguyên sơ sinh thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh; thành lập khoa Tâm bệnh thuộc Bệnh viện Phục hồi chức năng; thành

lập các khoa Truyền nhiễm, Huyết học, Sinh hoá, Vi sinh, Thận tiết niệu, Bệnh về máu, Ngoại tổng hợp, Ngoại lồng ngực tại Bệnh viện Sản Nhi; tuyển huyện thành lập một số khoa chuyên sâu trên cơ sở các khoa hiện có như thành lập khoa Nội hô hấp, Nội tim mạch, Nội cơ xương khớp trên cơ sở khoa Nội tổng hợp; thành lập khoa Mắt, khoa Giải phẫu bệnh, khoa Phẫu thuật chỉnh hình; thành lập phòng khám đa khoa tại Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp tỉnh và Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang.

Tập trung phát triển tuyến y tế cơ sở, nhất là tuyến huyện để phát huy vai trò chủ đạo trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, giảm tải cho y tế tuyến trên; từng bước rút ngắn khoảng cách chênh lệch về lợi ích được chăm sóc sức khỏe giữa thành thị với nông thôn. Đồng thời nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng chuyên môn y tế

2.1. Phát triển hệ thống khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng:

Phát triển hài hòa giữa y tế phổ cập và y tế chuyên sâu, giữa y học hiện đại và y học cổ truyền, giữa y tế công lập và ngoài công lập, trong đó y tế công lập giữ vai trò nòng cốt. Mở rộng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các bệnh viện theo hướng có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hoàn chỉnh đảm bảo yêu cầu về chất lượng, hiện đại và tiêu chuẩn cơ sở y tế Xanh - Sạch - Đẹp, thân thiện với môi trường.

a) Về quy mô:

Đến năm 2025, trung bình toàn tỉnh đạt tối thiểu 35,1 giường bệnh/10.000 dân. Dự kiến quy mô giường bệnh tại các cơ sở y tế (bao gồm cả cơ sở y tế công lập và ngoài công lập) trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 như sau:

Bảng 1: Dự kiến quy mô giường bệnh của các cơ sở y tế đến năm 2025

| STT | Cơ sở y tế | Đơn vị | Quy mô giường bệnh | |
|----------|-----------------------------|---------------|--------------------|--------------|
| | | | Năm 2023 | Năm 2025 |
| I | Giường bệnh công lập | Giường | 4.860 | 5.720 |
| 1 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | " | 1.000 | 1.200 |
| 2 | Bệnh viện Sản - Nhi | " | 540 | 700 |
| 3 | Bệnh viện PHCN | " | 200 | 200 |
| 4 | Bệnh viện YHCT | " | 190 | 200 |
| 5 | Bệnh viện Phổi | " | 240 | 270 |
| 6 | Bệnh viện Tâm thần | " | 140 | 150 |
| 7 | Bệnh viện Nội tiết | " | 120 | 150 |
| 8 | Bệnh viện Ung bướu | " | 300 | 400 |

| STT | Cơ sở y tế | Đơn vị | Quy mô giường bệnh | |
|------------|--|---------------|--------------------|--------------|
| | | | Năm 2023 | Năm 2025 |
| 9 | TTYT huyện Sơn Động | " | 160 | 180 |
| 10 | TTYT huyện Lục Ngạn | " | 290 | 320 |
| 11 | TTYT huyện Lục Nam | " | 250 | 300 |
| 12 | TTYT huyện Lạng Giang | " | 200 | 250 |
| 13 | TTYT huyện Yên Thế | " | 190 | 250 |
| 14 | TTYT huyện Tân Yên | " | 280 | 300 |
| 15 | TTYT huyện Hiệp Hòa | " | 320 | 350 |
| 16 | TTYT huyện Việt Yên | " | 220 | 250 |
| 17 | TTYT huyện Yên Dũng | " | 220 | 250 |
| II | Giường bệnh ngoài công lập | Giường | 912 | 1.231 |
| III | Tổng giường bệnh toàn tỉnh (I + II) | Giường | 5.772 | 6.951 |
| IV | Số giường bệnh/10.000 dân | Giường | 31,8 | 35,1 |

b) Về chất lượng:

- Các cơ sở khám chữa bệnh chú trọng đến phát triển kỹ thuật mới, kỹ thuật cao và nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh tại các tuyến, trong đó tập trung triển khai rộng rãi một số kỹ thuật sau:

+ Tuyến tỉnh: Kỹ thuật xạ trị và các kỹ thuật cao trong điều trị ung thư; kỹ thuật ECMO trong cấp cứu và hồi sức tim mạch; phẫu thuật tim mở; phẫu thuật lồng ngực, mạch máu; phẫu thuật thần kinh, cột sống; kỹ thuật can thiệp mạch não, mạch tạng; kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm (IVF); huyết học lâm sàng, các kỹ thuật chuyên sâu trong điều trị đột quỵ...

+ Tuyến huyện: Nâng cao năng lực chẩn đoán xác định bệnh nói chung; thực hiện quản lý, điều trị phần lớn các bệnh không lây nhiễm và triển khai rộng rãi một số kỹ thuật sau: Phẫu thuật cắt tử cung toàn phần, bán phần, mổ lấy thai; kỹ thuật cấp cứu truyền máu và cấp cứu hồi sức sơ sinh; phẫu thuật nội soi ổ bụng, tiết niệu; phẫu thuật kết xương; kỹ thuật Realtime-PCR; kỹ thuật thở máy; phẫu thuật cấp cứu chấn thương...

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh: Thực hiện thí điểm bệnh viện thông minh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi sau đó nhân rộng tại các cơ sở y tế khác; áp dụng bệnh án điện tử; khám, chữa bệnh từ xa; triển khai hệ thống LIS, PACS đạt mức nâng cao. Triển khai các quy định để liên thông kết quả xét nghiệm, chẩn đoán

hình ảnh, các thông tin, kết quả chẩn đoán, điều trị giữa các cơ sở khám, chữa bệnh và với tuyến y tế cơ sở để tiến tới theo dõi, chăm sóc liên tục người bệnh.

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, hành vi xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

- Đẩy mạnh phát triển y dược cổ truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng.

- Tăng cường công tác quản lý chất thải y tế, bảo đảm các điều kiện vệ sinh môi trường trong các cơ sở y tế, xây dựng cơ sở y tế Xanh - Sạch - Đẹp, thân thiện với môi trường theo Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 15/7/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cơ sở y tế Xanh - Sạch - Đẹp.

- Các cơ sở khám, chữa bệnh tiếp tục phát triển nâng hạng, nâng cao chất lượng bệnh viện. Từng bước triển khai thực hiện kiểm định độc lập, đánh giá chất lượng dịch vụ, phân hạng bệnh viện theo chất lượng.

2.2. Phát triển y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật:

- Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường sống. Đồng thời, tăng cường chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe nghề nghiệp, sức khỏe môi trường và đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Chuẩn bị các điều kiện để thành lập Trung tâm Xét nghiệm công nghệ cao thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh để triển khai thực hiện chẩn đoán sớm bệnh tật đáp ứng nhu cầu người dân trên địa bàn tỉnh.

- Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng tại tỉnh. Duy trì kết quả loại trừ bệnh phong cấp tỉnh theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới, kết quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh và loại trừ bệnh sốt rét.

- Lồng ghép các hoạt động dự phòng gắn với y tế cơ sở như: Chế độ dinh dưỡng hợp lý; bảo đảm an toàn thực phẩm; vận động toàn dân giữ gìn vệ sinh môi trường; không hút thuốc lá, không lạm dụng rượu bia; phòng, chống bệnh nghề nghiệp. Duy trì các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi; khám, tư vấn và xét nghiệm sàng lọc cho phụ nữ có thai, phòng các bệnh lây nhiễm từ mẹ sang con, phát hiện sớm ung thư đường sinh sản.

- Thực hiện quản lý sức khỏe của người dân bằng hệ thống phần mềm quản lý sức khỏe điện tử. Thường xuyên cập nhật thông tin, chỉ số sức khỏe, liên thông dữ liệu khi đi khám sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để khống chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư và giảm tỷ lệ mắc mới. Mở rộng các dịch vụ khám, tư vấn xét nghiệm phát hiện người nhiễm HIV để giới thiệu tiếp cận sớm điều trị ARV.

Mở rộng tiếp nhận người nghiện chích ma túy vào điều trị tại các cơ sở Methadone.

2.3. Phát triển dược và kiểm nghiệm:

- Từng bước xây dựng và phát triển Trung tâm Kiểm nghiệm của tỉnh đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng thí nghiệm” (GLP) để phục vụ công tác kiểm nghiệm và nghiên cứu kiểm nghiệm các loại thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kể cả nguyên liệu, phụ liệu làm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và khu vực Đông Bắc bộ.

- Đảm bảo các điều kiện để phát triển sản xuất dược liệu và chế phẩm y học cổ truyền tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh.

3. Đầu tư cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất

Tiếp tục rà soát, đề nghị cấp thẩm quyền bổ sung, bố trí quỹ đất để phát triển, mở rộng quy mô các cơ sở y tế công lập theo lộ trình tại Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ngoài các dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh đã triển khai, chuẩn bị khởi công và dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2023 - 2025, ngành y tế cần tập trung cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất đối với các công trình và hạng mục phụ trợ đã xuống cấp, cụ thể:

a) Tuyến tỉnh:

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh: Sửa chữa, bảo dưỡng 07 khối nhà với tổng diện tích sàn 6.501m², gồm: Khối nhà C (9 tầng), nhà E (nhà khoa Dinh dưỡng), nhà M (khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn), nhà N (khoa Nội thận-Tiết niệu-Lọc máu), nhà P (khoa Can thiệp mạch), nhà Q (Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, Trung tâm Giám định Y khoa và Trung tâm Giám định pháp y), tòa nhà R (khoa Y học cổ truyền và khoa Mắt).

- Bệnh viện Sản - Nhi: Sửa chữa, bảo dưỡng 02 khối nhà, gồm: Khu nhà 9 tầng, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và nhà phụ trợ với tổng diện tích sàn 14.620m².

- Bệnh viện Phục hồi chức năng: Sửa chữa, bảo dưỡng 04 khối nhà, với tổng diện tích sàn 3.710m², gồm: Nhà hậu cần, Nhà khám bệnh - hành chính, nhà 2 tầng (bệnh nhân nhi khoa), nhà phục hồi chức năng đa năng.

- Bệnh viện Y học cổ truyền: Sửa chữa, bảo dưỡng 03 khối nhà với tổng diện tích sàn 2.608m², gồm: Nhà A2 (điều trị nội trú 3 tầng), nhà A3 (khoa Dược), nhà làm việc - hành chính và khu nhà sắc thuốc nôi hơi.

- Bệnh viện Phổi: Sửa chữa 04 khối nhà, hạng mục phụ trợ với tổng diện tích sàn 1.835m², gồm: khu chứa hệ thống oxy trung tâm, khối nhà A, K, I, H và hệ thống cống, rãnh thoát nước.

- Bệnh viện Tâm thần: Sửa chữa 04 khối nhà với tổng diện tích sàn 6.696m², gồm: phòng X quang thuộc khối nhà kỹ thuật, nhà khu hội trường và khối nhà khám bệnh.

- Bệnh viện Ung bướu: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 12 khối nhà và hạng mục phụ trợ với tổng diện tích sàn 7.340m², gồm: Hệ thống xử lý nước thải, hệ

thống phòng cháy chữa cháy, khối nhà ngoại, nhà nội, nhà khám bệnh - hành chính, nhà đặt máy CT Scanner, tường rào, nhà để xe, cổng bệnh viện, đường điện dự phòng và khuôn viên bệnh viện.

- Bệnh viện Nội tiết: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 05 khối nhà và hạng mục phụ trợ, với tổng diện tích sàn 3.110m², gồm: Lắp đặt hệ thống thang máy tại tòa nhà B để phục vụ bệnh nhân phẫu thuật và hồi sức sau phẫu thuật; sửa chữa nhà để xe nhân viên, khu điều trị nội trú, cổng bệnh viện và các hạng mục đã xuống cấp thuộc khối nhà A, B, C, D, E.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh: Sửa chữa phòng X quang và khoa Xét nghiệm thuộc trụ sở chính với tổng diện tích sàn 2.250m².

- Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp tỉnh: Sửa chữa khối nhà hội trường và khối nhà cấp 4 với tổng diện tích sàn 918m² để đảm bảo các điều kiện thành lập phòng khám đa khoa.

- Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải: Sửa chữa, bảo dưỡng khu nhà khám bệnh - hành chính, diện tích sàn 273m².

b) Tuyến huyện:

- Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang: Cải tạo, sửa chữa khối nhà chính, tổng diện tích sàn 1.800m².

- Trung tâm Y tế huyện Sơn Động: Sửa chữa, bảo dưỡng 07 khối nhà và hạng mục phụ trợ với tổng diện tích sàn 5.176m², gồm: Khối nhà A (nhà khám bệnh đa khoa), nhà E (nhà điều trị nội trú 3 tầng), nhà vệ sinh công cộng, nhà H (nhà phẫu thuật - hồi sức cấp cứu), nhà G (khoa Dược - Vật tư TTB), nhà C (Liên chuyên khoa), nhà D (khoa Y học cổ truyền - phục hồi chức năng, thận nhân tạo).

- Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn: Sửa chữa hệ thống cửa, mái che 04 khối nhà với tổng diện tích sàn 3.284m², gồm: Khối nhà F (khoa Ngoại - Liên chuyên khoa), nhà khoa Truyền nhiễm, khối nhà Sản Nhi, khối nhà E (khoa Cấp cứu).

- Trung tâm Y tế huyện Lục Nam: Sửa chữa, bảo dưỡng 09 khối nhà và các hạng mục công trình phụ trợ, với tổng diện tích sàn 7.840m², gồm: Nhà A, hệ thống xử lý nước thải, nhà xử lý rác thải, nhà B (khoa Dược), khuôn viên, nhà phẫu thuật, nhà G (khoa Ngoại, HSCC, khoa Phụ sản-CSSKSS), nhà H (khoa Nội) và nhà để xe, nhà kho.

- Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang: Cải tạo, sửa chữa 11 khối nhà và hạng mục phụ trợ, với tổng diện tích sàn 4.668m², gồm: Khối nhà hành chính - hội trường cũ, khối nhà khoa Dược - TTB y tế và khoa Đông y, khối nhà dân số - KHHGD cũ, khối nhà dự phòng, khu vực chờ tiêm phòng, nhà đại thể, nhà khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, khu vực khám bệnh, khối nhà hồi sức cấp cứu, khối nhà khoa nhi.

- Trung tâm Y tế huyện Yên Thế: Sửa chữa, bảo dưỡng 04 khối nhà, tổng diện tích sàn 14.274m², gồm: Nhà A (khám chữa bệnh ngoại trú - hành chính),

nhà D (khoa dinh dưỡng - khối dịch vụ tổng hợp), nhà G (khoa Nội), nhà K (khối dự phòng, dân số).

- Trung tâm Y tế huyện Tân Yên: Sửa chữa, bảo dưỡng 03 khối nhà, tổng diện tích sàn 1.403m², gồm: Nhà kỹ thuật nghiệp vụ cũ (nay là khoa Y học cổ truyền - phục hồi chức năng, khoa Dược, khoa Xét nghiệm), nhà khoa sản cũ (nay là khoa nội), nhà khám bệnh - hành chính.

- Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa: Sửa chữa, bảo dưỡng 07 khối nhà và hạng mục phụ trợ, tổng diện tích sàn 2.741m², gồm: Nhà khoa Khám bệnh, khoa Nhi - HSCC, hội trường, khu nhà xử lý chất thải nguy hại, lò đốt rác, nhà khoa nội, khoa dược, đông y và hệ thống nước thải nội bộ.

- Trung tâm Y tế huyện Việt Yên: Sửa chữa, bảo dưỡng 04 khối nhà và hạng mục phụ trợ, tổng diện tích sàn 6.374m², gồm: Khu nhà 3 tầng, khu nhà 2 tầng, nhà khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và các hạng mục phụ trợ (căng tin, đường đi, hệ thống cống thoát nước, khu sân phơi nhà giặt và bể xử lý nước thải).

- Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng: Sửa chữa, bảo dưỡng 06 khối nhà và hạng mục phụ trợ, tổng diện tích sàn 8.642m², gồm: Nhà điều trị nội trú (Nội-Nhi), nhà dinh dưỡng, nhà khoa Ngoại sản, nhà khám bệnh ngoại trú - hành chính, nhà làm việc trung tâm (cơ sở 2) và khu vực phụ trợ, khuôn viên trung tâm y tế.

(Chi tiết danh mục công trình, hạng mục phụ trợ cần cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tại Phụ lục số II).

4. Đầu tư trang thiết bị y tế

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế có công nghệ hiện đại cho các cơ sở y tế công lập để phát triển kỹ thuật và nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh. Hàng năm, đề xuất ngân sách tỉnh bố trí năm sau cao hơn năm trước tối thiểu 15% để mua sắm trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế công lập theo Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Quan tâm, bố trí kinh phí mua sắm các thiết bị văn phòng, hội trường cho các cơ sở y tế đã hoàn thành dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh nhưng chưa có cầu phân thiết bị văn phòng; ưu tiên mua sắm xe ô tô chuyên dùng cho các cơ sở y tế có tiêu chuẩn định mức được sử dụng xe ô tô chuyên dùng nhưng xe đã hết niên hạn để phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ y tế trong công tác quản lý, vận hành, sử dụng và bảo quản trang thiết bị y tế; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh trang thiết bị y tế theo quy định và theo khuyến cáo của nhà sản xuất để tăng hiệu quả đầu tư và sử dụng.

(Chi tiết danh mục trang thiết bị cần đầu tư giai đoạn 2023 - 2025 tại Phụ lục số IV).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguyên tắc đầu tư kinh phí

- Nguồn kinh phí thực hiện hiện đề án, gồm: Ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp); ngân sách huyện, thành phố (vốn sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác); nguồn kinh phí của các cơ sở y tế. Trong đó:

+ Nguồn vốn sự nghiệp: Bố trí để sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật và mua sắm trang thiết bị chất theo các quy định hiện hành.

+ Nguồn vốn đầu tư phát triển (thuộc ngân sách huyện, thành phố) và nguồn kinh phí của các cơ sở y tế: Bố trí để đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Ngân sách tỉnh bảo đảm bố trí cho các cơ sở y tế theo lộ trình hằng năm đã được phê duyệt tại Đề án. Trong trường hợp, ngân sách tỉnh không cân đối được theo Đề án được duyệt thì phải bảo đảm bố trí tối thiểu 100 tỷ đồng trong năm 2023 và bố trí năm sau cao hơn năm trước tối thiểu 15%; sau đó, Sở Y tế xem xét, lựa chọn ưu tiên bố trí cho các cơ sở y tế theo nhu cầu và tình hình thực tế, trong đó ưu tiên sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất đối với các đơn vị có công trình xuống cấp nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động chuyên môn, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến người bệnh; ưu tiên đầu tư trang thiết bị để thay thế thiết bị cũ (đã hỏng) ảnh hưởng trực tiếp đến công tác khám chữa bệnh và phát triển kỹ thuật mới.

2. Nhu cầu kinh phí

2.1. Kinh phí đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất:

a) Tổng nhu cầu kinh phí đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ sở y tế công lập giai đoạn 2023 - 2025 là: **153.483 triệu đồng**, gồm:

- Ngân sách tỉnh: 108.135 triệu đồng.
- Ngân sách huyện, thành phố: 19.946 triệu đồng.
- Nguồn kinh phí của các đơn vị: 25.402 triệu đồng.

b) Lộ trình thực hiện:

- Năm 2023: **59.609 triệu đồng**, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 38.707 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện, thành phố: 8.350 triệu đồng.
 - + Nguồn kinh phí của các đơn vị: 12.552 triệu đồng.
- Năm 2024: **52.999 triệu đồng**, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 40.233 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện, thành phố: 6.616 triệu đồng.
 - + Nguồn kinh phí của các đơn vị: 6.150 triệu đồng.
- Năm 2025: **40.875 triệu đồng**, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 29.195 triệu đồng.

- + Ngân sách huyện, thành phố: 4.980 triệu đồng.
- + Nguồn kinh phí của các đơn vị: 6.700 triệu đồng.

Bảng số 2: Tổng hợp kinh phí cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất

Đơn vị tính: Triệu đồng.

| STT | Tên đơn vị | Năm 2023 | | | | Năm 2024 | | | | Năm 2025 | | | | Giai đoạn 2023 - 2025 | | | |
|-----------|---------------------------------------|-----------------------|----------------|--------------------|---------------------|-----------------------|----------------|--------------------|---------------------|-----------------------|----------------|--------------------|---------------------|-----------------------|----------------|--------------------|---------------------|
| | | Tổng nhu cầu kinh phí | Trong đó | | | Tổng nhu cầu kinh phí | Trong đó | | | Tổng nhu cầu kinh phí | Trong đó | | | Tổng nhu cầu kinh phí | Trong đó | | |
| | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện/TP | Kinh phí của đơn vị | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện/TP | Kinh phí của đơn vị | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện/TP | Kinh phí của đơn vị | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện/TP | Kinh phí của đơn vị |
| | Tổng toàn tỉnh | 59.609 | 38.707 | 8.350 | 12.552 | 52.999 | 40.233 | 6.616 | 6.150 | 40.875 | 29.195 | 4.980 | 6.700 | 153.483 | 108.135 | 19.946 | 25.402 |
| I | TUYẾN TỈNH | 28.963 | 20.331 | | 8.632 | 26.533 | 21.483 | | 5.050 | 19.595 | 14.595 | | 5.000 | 75.091 | 56.409 | | 18.682 |
| 1 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | 4.100 | 3.000 | | 1.100 | 4.500 | 2.000 | | 2.500 | 5.500 | 3.000 | | 2.500 | 14.100 | 8.000 | | 6.100 |
| 2 | Bệnh viện Sản - Nhi | 6.940 | 3.000 | | 3.940 | 3.000 | 1.500 | | 1.500 | 3.000 | 1.500 | | 1.500 | 12.940 | 6.000 | | 6.940 |
| 3 | Bệnh viện Phục hồi chức năng | 1.700 | 1.700 | | | 2.950 | 2.950 | | | 2.395 | 2.395 | | | 7.045 | 7.045 | | |
| 4 | Bệnh viện Y học cổ truyền | 3.392 | 3.000 | | 392 | 2.500 | 2.500 | | | 1.500 | 1.500 | | | 7.392 | 7.000 | | 392 |
| 5 | Bệnh viện Phổi | 800 | 800 | | | 3.200 | 3.000 | | 200 | 1.000 | 1.000 | | | 5.000 | 4.800 | | 200 |
| 6 | Bệnh viện Tâm thần | 1.096 | 1.096 | | | 333 | 333 | | | | | | | 1.429 | 1.429 | | |
| 7 | Bệnh viện Ung bướu | 5.500 | 2.300 | | 3.200 | 4.050 | 3.200 | | 850 | 4.000 | 3.000 | | 1.000 | 13.550 | 8.500 | | 5.050 |
| 8 | Bệnh viện Nội tiết | 2.200 | 2.200 | | | 4.000 | 4.000 | | | 1.500 | 1.500 | | | 7.700 | 7.700 | | |
| 9 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh | 537 | 537 | | | | | | | | | | | 537 | 537 | | |
| 10 | Trung tâm Kiểm nghiệm | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp | 1.700 | 1.700 | | | 1.200 | 1.200 | | | | | | | 2.900 | 2.900 | | |
| 12 | Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải | 998 | 998 | | | 800 | 800 | | | 700 | 700 | | | 2.498 | 2.498 | | |
| II | TUYẾN HUYỆN | 30.646 | 18.376 | 8.350 | 3.920 | 26.466 | 18.750 | 6.616 | 1.100 | 21.280 | 14.600 | 4.980 | 1.700 | 78.392 | 51.726 | 19.946 | 6.720 |
| 1 | Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang | 2.000 | 2.000 | | | 800 | 800 | | | 500 | | 500 | | 3.300 | 2.800 | 500 | |
| 2 | Trung tâm Y tế huyện Sơn Động | 1.100 | 800 | 300 | | 2.300 | 2.300 | | | 1.500 | 1.500 | | | 4.900 | 4.600 | 300 | |
| 3 | Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn | 1.480 | 1.380 | 100 | | 3.280 | 2.600 | 680 | | 1.680 | 1.000 | 680 | | 6.440 | 4.980 | 1.460 | |
| 4 | Trung tâm Y tế huyện Lục Nam | 5.000 | 3.700 | 500 | 800 | 4.200 | 2.200 | 2.000 | | 6.200 | 3.000 | 2.500 | 700 | 15.400 | 8.900 | 5.000 | 1.500 |
| 5 | Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang | 8.360 | 2.000 | 5.800 | 560 | 4.500 | 2.500 | 2.000 | | 2.500 | 2.500 | | | 15.360 | 7.000 | 7.800 | 560 |
| 6 | Trung tâm Y tế huyện Yên Thế | 1.610 | 1.400 | | 210 | 1.950 | 1.400 | 550 | | | | | | 3.560 | 2.800 | 550 | 210 |
| 7 | Trung tâm Y tế huyện Tân Yên | 2.300 | 1.800 | 500 | | 1.350 | 1.350 | | | 1.100 | 1.100 | | | 4.750 | 4.250 | 500 | |
| 8 | Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà | 3.026 | 1.576 | | 1.450 | 2.586 | 700 | 1.386 | 500 | 3.000 | 2.500 | | 500 | 8.612 | 4.776 | 1.386 | 2.450 |
| 9 | Trung tâm Y tế huyện Việt Yên | 1.920 | 1.920 | | | 2.200 | 2.200 | | | 2.800 | 1.500 | 1.300 | | 6.920 | 5.620 | 1.300 | |
| 10 | Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng | 3.850 | 1.800 | 1.150 | 900 | 3.300 | 2.700 | | 600 | 2.000 | 1.500 | | 500 | 9.150 | 6.000 | 1.150 | 2.000 |

2.2. Kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị:

a) Tổng nhu cầu kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập giai đoạn 2023 - 2025 là: **719.829 triệu đồng**, gồm:

- Ngân sách tỉnh: 473.005 triệu đồng.
- Ngân sách huyện, thành phố: 93.481 triệu đồng.
- Nguồn kinh phí của các đơn vị: 153.343 triệu đồng.

b) Lộ trình thực hiện:

- Năm 2023: **220.615 triệu đồng**, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 138.877 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện, thành phố: 24.434 triệu đồng.
 - + Nguồn kinh phí của các đơn vị: 57.304 triệu đồng.
- Năm 2024: **260.772 triệu đồng**, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 148.041 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện, thành phố: 53.833 triệu đồng.
 - + Nguồn kinh phí của các đơn vị: 58.898 triệu đồng.
- Năm 2025: **238.442 triệu đồng**, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 186.087 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện, thành phố: 15.214 triệu đồng.
 - + Nguồn kinh phí của các đơn vị: 37.141 triệu đồng.

Bảng số 3: Tổng hợp kinh phí đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

| STT | Tên đơn vị | Năm 2023 | | | | Năm 2024 | | | | Năm 2025 | | | | Giai đoạn 2023 - 2025 | | | |
|-----------|---------------------------------------|-----------------------|----------------|--------------------|---------------------|-----------------------|----------------|--------------------|---------------------|-----------------------|----------------|--------------------|---------------------|-----------------------|----------------|--------------------|---------------------|
| | | Tổng nhu cầu kinh phí | Trong đó | | | Tổng nhu cầu kinh phí | Trong đó | | | Tổng nhu cầu kinh phí | Trong đó | | | Tổng nhu cầu kinh phí | Trong đó | | |
| | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện/TP | Kinh phí của đơn vị | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện/TP | Kinh phí của đơn vị | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện/TP | Kinh phí của đơn vị | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện/TP | Kinh phí của đơn vị |
| | Tổng toàn tỉnh | 220.615 | 138.877 | 24.434 | 57.304 | 260.772 | 148.041 | 53.833 | 58.898 | 238.442 | 186.087 | 15.214 | 37.141 | 719.829 | 473.005 | 93.481 | 153.343 |
| I | TUYẾN TỈNH | 124.805 | 72.275 | | 52.530 | 128.669 | 73.346 | | 55.323 | 144.075 | 111.614 | | 32.461 | 397.550 | 257.236 | | 140.314 |
| 1 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | 66.565 | 22.183 | | 44.382 | 61.639 | 15.330 | | 46.309 | 51.800 | 27.100 | | 24.700 | 180.004 | 64.613 | | 115.391 |
| 2 | Bệnh viện Sản - Nhi | 12.752 | 5.837 | | 6.914 | 13.060 | 7.840 | | 5.220 | 15.901 | 9.247 | | 6.654 | 41.713 | 22.924 | | 18.788 |
| 3 | Bệnh viện Phục hồi chức năng | 5.631 | 5.631 | | | 6.493 | 6.493 | | | 14.794 | 14.794 | | | 26.918 | 26.918 | | |
| 4 | Bệnh viện Y học cổ truyền | 4.900 | 4.500 | | 400 | 5.110 | 4.710 | | 400 | 5.060 | 5.060 | | | 15.070 | 14.270 | | 800 |
| 5 | Bệnh viện Phổi | 9.743 | 9.560 | | 183 | 5.296 | 5.176 | | 120 | 7.558 | 7.498 | | 60 | 22.597 | 22.234 | | 363 |
| 6 | Bệnh viện Tâm thần | 3.540 | 3.540 | | | 3.545 | 3.545 | | | 2.120 | 2.120 | | | 9.205 | 9.205 | | |
| 7 | Bệnh viện Ung bướu | 4.708 | 4.058 | | 650 | 11.694 | 8.420 | | 3.274 | 20.087 | 19.040 | | 1.047 | 36.489 | 31.518 | | 4.971 |
| 8 | Bệnh viện Nội tiết | 7.694 | 7.694 | | | 7.865 | 7.865 | | | 7.806 | 7.806 | | | 23.365 | 23.365 | | |
| 9 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh | 3.277 | 3.277 | | | 3.460 | 3.460 | | | 5.501 | 5.501 | | | 12.238 | 12.238 | | |
| 10 | Trung tâm Kiểm nghiệm | 4.202 | 4.202 | | | 5.401 | 5.401 | | | 9.463 | 9.463 | | | 19.066 | 19.066 | | |
| 11 | Trung tâm Y tế các Khu công nghiệp | 178 | 178 | | | 3.452 | 3.452 | | | 2.840 | 2.840 | | | 6.470 | 6.470 | | |
| 12 | Phòng khám Đa khoa Giao thông vận tải | 1.615 | 1.615 | | | 1.655 | 1.655 | | | 1.145 | 1.145 | | | 4.415 | 4.415 | | |
| II | TUYẾN HUYỆN | 95.809 | 66.601 | 24.434 | 4.774 | 132.103 | 74.695 | 53.833 | 3.575 | 94.367 | 74.473 | 15.214 | 4.680 | 322.279 | 215.769 | 93.481 | 13.029 |
| 1 | Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang | | | | | 7.100 | 5.300 | 1.800 | | | | | | 7.100 | 5.300 | 1.800 | |
| 2 | Trung tâm Y tế huyện Sơn Động | 7.616 | 6.746 | 510 | 360 | 8.939 | 7.920 | 927 | 92 | 8.860 | 8.300 | 560 | | 25.415 | 22.966 | 1.997 | 452 |
| 3 | Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn | 7.100 | 7.100 | | | 5.900 | 5.900 | | | 6.350 | 3.750 | 2.600 | | 19.350 | 16.750 | 2.600 | |
| 4 | Trung tâm Y tế huyện Lục Nam | 8.687 | 6.046 | 2.173 | 468 | 7.591 | 7.074 | 120 | 397 | 9.639 | 8.979 | | 660 | 25.917 | 22.099 | 2.293 | 1.525 |
| 5 | Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang | 21.187 | 11.250 | 8.072 | 1.865 | 10.355 | 8.055 | 2.300 | | 9.560 | 9.560 | | | 41.102 | 28.865 | 10.372 | 1.865 |
| 6 | Trung tâm Y tế huyện Yên Thế | 5.355 | 4.820 | 535 | | 10.390 | 6.150 | 3.940 | 300 | 13.500 | 9.300 | 3.900 | 300 | 29.245 | 20.270 | 8.375 | 600 |
| 7 | Trung tâm Y tế huyện Tân Yên | 9.297 | 7.647 | 1.200 | 450 | 14.334 | 10.684 | 3.200 | 450 | 13.366 | 8.162 | 5.004 | 200 | 36.997 | 26.493 | 9.404 | 1.100 |
| 8 | Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà | 8.450 | 7.400 | 1.050 | | 15.590 | 8.040 | 5.550 | 2.000 | 14.750 | 9.100 | 3.150 | 2.500 | 38.790 | 24.540 | 9.750 | 4.500 |
| 9 | Trung tâm Y tế huyện Việt Yên | 19.307 | 7.280 | 10.894 | 1.133 | 38.204 | 7.972 | 29.896 | 336 | 8.317 | 7.932 | | 385 | 65.829 | 23.184 | 40.790 | 1.854 |
| 10 | Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng | 8.810 | 8.312 | | 498 | 13.700 | 7.600 | 6.100 | | 10.025 | 9.390 | | 635 | 32.535 | 25.302 | 6.100 | 1.133 |

3. Tổng nhu cầu kinh phí

a) Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện đề án là: **873.312 triệu đồng**, gồm:

- Ngân sách tỉnh: 581.140 triệu đồng.
- Ngân sách huyện, thành phố: 113.427 triệu đồng.
- Nguồn kinh phí của các đơn vị: 178.745 triệu đồng.

b) Lộ trình thực hiện:

- Năm 2023: **280.224 triệu đồng**, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 177.584 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện, thành phố: 32.784 triệu đồng.
 - + Nguồn kinh phí của các đơn vị: 69.856 triệu đồng.
- Năm 2024: **313.771 triệu đồng**, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 188.274 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện, thành phố: 60.449 triệu đồng.
 - + Nguồn kinh phí của các đơn vị: 65.048 triệu đồng.
- Năm 2025: **279.317 triệu đồng**, trong đó:
 - + Ngân sách tỉnh: 215.282 triệu đồng.
 - + Ngân sách huyện, thành phố: 20.194 triệu đồng.
 - + Nguồn kinh phí của các đơn vị: 43.841 triệu đồng.

IV. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Về kinh tế: Việc đầu tư cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị góp phần trực tiếp trong việc triển khai tốt các danh mục dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến và một số dịch vụ kỹ thuật của tuyến trên theo mục tiêu đề ra. Hệ thống y tế phát triển sẽ từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng và tạo được lòng tin với người bệnh vì người dân có cơ hội tiếp cận với các dịch vụ kỹ thuật hiện đại ngay tại địa phương từ đó sẽ giảm các chi phí và thời gian đi lại, chờ đợi khi người dân đi khám bệnh chữa bệnh; đồng thời, khi có trang thiết bị y tế hiện đại sẽ giúp cho việc chẩn đoán bệnh chính xác hơn, từ đó rút ngắn thời gian khám bệnh và điều trị tại cơ sở y tế. Người bệnh sẽ sớm có điều kiện quay trở lại cộng đồng để tham gia lao động sản xuất phát triển kinh tế gia đình, từ đó góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội tại địa phương.

Về xã hội: Đề án cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 sẽ làm thay đổi diện mạo của hệ thống y tế tỉnh Bắc Giang, giúp hoàn thiện, nâng cao năng lực phòng bệnh, khám chữa bệnh của các cơ sở y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế.

Về môi trường: Việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất tại các cơ sở y tế sẽ hạn chế các tác động tiêu cực ảnh hưởng xấu đến môi trường, góp phần thay đổi cảnh quan, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp cho người dân đến tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế. Với hệ thống trang thiết bị hiện đại được đầu tư, việc xử lý chất thải y tế theo công nghệ mới sẽ làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án, bảo đảm công bằng, tiết kiệm theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí (từ nguồn vốn sự nghiệp) cho các cơ sở y tế công lập theo Đề án được phê duyệt, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hàng năm của tỉnh và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. UBND huyện, thành phố

Trên cơ sở các nội dung tại Đề án này, hàng năm UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm cân đối nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ kinh phí đầu tư cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các trung tâm y tế trên địa bàn.

4. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Căn cứ các nội dung Đề án được phê duyệt và nhu cầu thực tế tại đơn vị. Hàng năm, rà soát danh mục sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị gửi Sở Y tế tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, chủ động bố trí kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị để đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Trung tâm Y tế các huyện, thành phố, ngoài nguồn kinh phí được bố trí từ ngân sách tỉnh, hàng năm phải chủ động tham mưu UBND huyện, thành phố trên địa bàn hỗ trợ kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị đã được phê duyệt tại Đề án này./.